**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN MỘ ĐỨC**
**TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08-4-2025
*V/v: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà Ngô Thị Kim Ngân

- Bà Phạm Thị Lệ Nguyên

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên toà:*** Trần Thị Thu Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2024/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2024, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa 03/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn* Trần Thị N *trình bày:* Chị N và anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, chị và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2019. Sau khi kết hôn thì chị và anh T đi làm ăn sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh và chung sống hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng tuy cũng có mâu thuẫn xảy ra nhưng vợ chồng chị cũng hòa giải và chung sống với nhau. Đến năm 2021, chị sinh con thì mâu thuẫn của vợ chồng chị ngày càng nhiều, càng gây gắt. Chị sinh con nhưng anh T không có trách nhiệm với vợ con, gia đình, anh T lo ăn chơi không lo làm kiếm tiền lo cho gia đình. Từ những việc như thế nên mâu thuẫn giữa chị và anh T ngày càng nhiều hơn, đến tháng 12 năm 2021 chị không thể chung sống với anh T nên chị ôm con về quê sinh sống. Kể từ đó anh T cũng không quan tâm thăm, hỏi gì đến mẹ con chị, chị và anh T sống ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Trong thời gian ly thân chị nghĩ để xem anh T có thay đổi gì không nhưng anh T không hề thay đổi, anh không đến thăm, lo lắng gì cho con. Chi Nguyệt nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh T được nữa nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 chung là Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 16/8/2021, từ khi sinh con cho đến nay, con do một mình chị chăm lo, anh T không có trách nhiệm với con. Do vậy, chị yêu cầu được nuôi con khi ly hôn, yêu cầu anh T có trách nhiệm chu cấp cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Nguyễn Văn T nhưng anh T không có ý kiến gì về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định tại các Điều 70, 71; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N; cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T;

+ Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 16/8/2021 cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Ngoài ra các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*" với bị đơn Nguyễn Văn T. Trong vụ án này, bị đơn là anh T có địa chỉ nơi cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nguyên đơn, bị đơn tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn với nhau nhưng quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên hôn nhân không có hạnh phúc. Theo chị N thì anh T sống thiếu trách nhiệm, không quan tâm gì đến vợ con. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay, nhưng anh

T vẫn không thay đổi nên vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài hơn được nữa. Trong thời gian sống ly thân, chị N và anh T phần ai người đó sống, không quan tâm, chăm sóc gì lẫn nhau là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mặc khác, sau khi thụ lý vụ án, anh T đã được Tòa án thông báo về việc chị N có yêu cầu ly hôn nhưng lại không hợp tác làm việc, bỏ mặc không quan tâm đến ý kiến, yêu cầu của chị N và việc giải quyết vụ án của Tòa án. Do đó, đã đủ căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị N và anh T là không có hạnh phúc; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và không thể nào sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nguyên đơn Trần Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn T là có căn cứ theo quy định tại khoản 01 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng cho con:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn, có căn cứ xác định: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 16/8/2021. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến hiện tại thì con chung sinh sống cùng với chị N, anh T không có ý kiến gì về nuôi dưỡng con chung. Con chung là cháu Minh K hiện nay đã trên ba tuổi nhưng vẫn còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ. Căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cần giao con chung là cháu Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 16/8/2021 cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng cho con, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Trần Thị N yêu cầu anh Nguyễn Văn T là người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là đúng quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và không hợp tác làm việc, liên tiếp vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; các phiên tòa sơ thẩm nên không xác đinh được ý kiến của anh T như thế nào về vấn đề cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng mà chị N yêu cầu là phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị N khai không có, anh T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án

phí do chị N nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004474 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 và 118 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định. Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

1.2 Về con chung:

- Giao con chung là Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 16/8/2021 cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng *(một triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị N khai không có, anh Nguyễn Văn T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xét

**2.** Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí do chị N nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0004474 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

**3.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi*
- *VKSND huyện Mộ Đức*
- *Chi cục THADS huyện Mộ Đức*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đức Thạnh;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hòa**